NGÀY 25.7.2017 bổ sung ý kiến 02 Viện thuộc Bộ Công Thương

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI THÔNG TƯ 23/2015/TT-BKHCN

1. Công văn số 567/BKHCN-ĐTG ngày 01/3/2017 gửi các Bộ, ngành, thời hạn trước ngày 10/3/2017.

Đến nay (18/5/2017) nhận được: Bộ Công Thương, Bộ VHDLTT, Bộ TTTT, Bộ TN&MT, Bộ GTVT, NNHNVN

1. Công văn số 1005/BKHCN-ĐTG ngày 03/4/2017 gửi VCCI, HHDNV&N, Hội cơ khí tpHCM, HHDN Nhật Bản, thời hạn trước ngày 20/4/2017.

Đến nay (18/5/2017) nhận được: HHDNV&N, Hội cơ khí tpHCM, HHDN Nhật Bản.

1. Công văn số 2081/BKHCN-ĐTG ngày 27/6/2017 gửi Viện Nghiên cứu Cơ khí và Công ty CP Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (Viện IMI) thuộc Bộ Công Thương: Đã nhận được 02 CV trả lời.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Nội dung đề xuất** | **Thông tư 23** | | **Phương án xử lý** | | **Ghi chú** |
| 1. **CÁC BỘ - NGÀNH** | | | | | | | |
| 1 | Bộ Công Thương  *Công văn số 2361/BCT-KHCN ngày 23/3/2017*. | 1. Cần đánh giá tổng thể tình hình triển khai thực hiện Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN trong giai đoạn vừa qua, những khó khăn vướng mắc gặp phải trong quá trình triển thực hiện. | |  | |  |  |
| 2. Bổ sung các tiêu chí, Hồ sơ đăng ký và Quy trình đánh giá chất lượng máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng và môi trường đối với các thiết bị, máy móc nhập khẩu có số năm sử dụng trên 10 năm theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN. | |  | |  |  |
| 3. Đề nghị quý Bộ làm rõ việc quy định máy móc, thiết bị đã qua sử dụng phải đáp ứng các tiêu chí nêu tại Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN có **phải là điều kiện đầu tư kinh doanh hay là thủ tục hành chính.** Trường hợp là điều kiện đầu tư, kinh doanh phải được quy định tại các Luật, Pháp lệnh, Nghị định. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan tổ chức khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được nêu tại Khoản 3 Điều 7Luật Đầu tư số 67/2014/QH13. | |  | |  |  |
| 2 | Bộ Tài nguyên và Môi trường  *Công văn số 1393/BTNMT-TCMT ngày 24/3/2017*. | 1. Các máy móc, thiết bị, DCCN đã qua sử dụng đề nghị được nhập khẩu phải được xem xét, đánh giá theo các quy định, tiêu chí về tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường cụ thể (khả năng xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất hoặc khả năng thu hồi, xử lý các máy móc, thiết bị này sau khi thải bỏ theo các quy định pháp luật bảo vệ môi trường). | |  | |  |  |
| 2. Đề nghị rà soát, sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 23, trong đó nghiên cứu, xem xét để hạn chế hoặc cấm sử dụng các thiết bị, máy móc, DCCN đã qua sử dụng trong các dự án đàu tư mới nhằm kịp thời ngăn chặn các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của TTgCP tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường cũng như phù hợp với định hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, đổi mới công nghệ phục vụ phát triển nhanh và bền vững. | |  | |  |  |
| 3 | Bộ Giao thông vận tải  *Công văn số 3455/BGTVT-KHCN ngày 03/4/2017*. | 1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 23, thời điểm hiện tại, Bộ GTVT đã ban hành các VBQPPL quản lý các phương tiện, máy móc được Chính phủ phân công quản lý, do vậy, đề nghị không sửa đổi nội dung quản lý máy móc, thiết bị đã qua sử dụng thuộc chức năng quản lý của Bộ GTVT tại Thông tư 23. | | 2. Đối với các thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu đã được quản lý trong các văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì áp dụng theo quy định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định tại Thông tư này. | |  |  |
| 2. Đề nghị sửa đổi Điều 13 Thông tư 23 như sau:  *Trường hợp thiết bị đã qua sử dụng có tuổi thiết bị vượt quá 10 năm nhưng doanh nghiệp cần thiết phải nhập khẩu để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hồ sơ và kiến nghị của doanh nghiệp, Bộ, ngành chủ trì và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.* | | Điều 13. Trường hợp đặc biệt.  Trường hợp thiết bị đã qua sử dụng có tuổi thiết bị vượt quá 10 năm nhưng doanh nghiệp cần thiết phải nhập khẩu để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hồ sơ và kiến nghị của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành xem xét, quyết định. | |  |  |
| 4 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  *Công văn số 871/BVHDLTT-KHCNMT ngày 07/3/2017* | 1. Cơ bản nhất trí với nội dung Thông tư 23. | |  | |  |  |
| 2. Bộ VHTT&DL quản lý XNK theo các văn bản sau:  - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của CP về quản lý XK, NK văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2104 quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ VHTTDL.  Các văn bản trên chưa quy định đối với việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, DCCN đã qua sử dụng. | |  | |  |  |
| 5 | Bộ Thông tin và Truyền thông  *Công văn số 888/BTTTT-CNTT ngày 17/3/2017* | 1. Nhất trí cần sửa đổi Thông tư 23 theo chỉ đạo tại Nghị quyết 19-2017/NQ-CP. | |  | |  |  |
| 2. Đề nghị sửa đổi Thông tư 23 theo hướng ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, DCCN đã qua sử dụng do các Bộ, ngành thực hiện theo chức năng được phân công quản lý, đồng thời với danh mục này, các Bộ, ngành sẽ quy định cụ thể điều kiện hàng hóa, tiêu chí về thời hạn đối với từng loại sản phẩm. | |  | |  |  |
| 6 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  *Công văn số 1503/NHNN-TD ngày 10/3/2017* | Nội dung đề nghị sửa đổi Thông tư 23 không thuộc chứng năng, nhiệm vụ quản lý của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, Ngân hàng NN không có ý kiến. | |  | |  |  |
|  | Bộ Xây dựng |  | |  | |  |  |
|  | Bộ Y tế |  | |  | |  |  |
|  | Bộ NNPTNT |  | |  | |  |  |
|  | Bộ GD&ĐT |  | |  | |  |  |
| **II. DOANH NGHIỆP-HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP** | | | | | | | |
| 1 | VCCI |  |  | |  | |  |
| 2 | Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa  *Công văn số 83/CV-TWHH ngày 17/4/2017* | 1. Về cơ bản, đề nghị giữ nguyên như nội dung Thông tư 23 đã ban hành. |  | |  | |  |
| 2. Khoản 1 Điều 6 Thông tư đã quy định “Tuổi thiết bị không vượt quá 10 năm” thì quy định tại khoản 4 Điều 6 (các Bộ quy định tuổi thấp hơn 10, phải thông báo Bộ KHCN biết để thống nhất quản lý) là không cần thiết. |  | |  | |  |
| 3. Điều 3 phần giải thích từ ngữ có quy định đối volwis “Thiết bị”; “Linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế”, tuy nhiên tại Điều 13 chỉ quy định đối với thiết bị trường hợp quá 10 năm, đề nghị làm rõ vấn đề nếu chỉ nhập khẩu “Linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế” thì sẽ được hiểu/điều chỉnh như thế nào? |  | |  | |  |
| 4. Quan điểm chung là không nên tăng tuổi thiết bị như đã quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư 23, nhằm không những giảm ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng, tránh Việt Nam thành bãi rác thiết bị, công nghệ của thế giới…, mà còn tạo điều kiện/buộc các doanh nghiệp và các tổ chức trong nước phải tự nghiên cứu, tự sản xuất thiết bị và linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế (tránh tư tưởng ỷ lại). |  | |  | |  |
| 3 | Hội doanh nghiệp cơ khí-điện thành phố Hồ Chí Minh  *Công văn số 146/HCKĐ-HCM ngày 12/4/2017* | 1. Nhất trí với chỉ đạo sửa đổi Thông tư 23 tị NQ 19-2017/NQ-CP.  Chúng tôi nhận thấy điều này là rất phù hợp với thực tế khách quan, và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội Doanh nghiệp Cơ khí Điện TP hồ Chí Minh đã nghiên cứu, đánh giá cẩn trọng đặc tính kỹ thuật, phù hợp với ngành nghề sản xuất của một số chủng loại máy công cụ và thiết bị đã qua sử dụng. |  | |  | |  |
| 2. Chúng tôi đã xây dựng bảng đề xuất danh mục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu cho một số loại máy công cụ và thiết bị theo danh mục đính kèm công văn này gởi đến quí Bộ.  (Danh mục kèm theo) |  | |  | |  |
| 4 | Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam  *Công văn 09/2017JBAV ngày 19/4/2017* | 1. Đề nghị miến hạn chế số tuổi thiết bị. Nếu là máy móc, thiết bị do các công ty sản xuất nhập khẩu vì hoạt động sản xuất của công ty mình thì không giới hạn tuổi thiết bị, vì thế đề nghị bổ sung nội dung này vào đối tượng không thuộc pháp vi áp dụng tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 23. |  | |  | |  |
| 2. Minh bạch hóa các thủ tục và giáy tờ khi nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng:  - Thiết bị trên 10 năm được điều chỉnh tại Điều 13 và khoản 2 Điều 6, tuy nhiên mối quan hệ giữa 2 điều khoản này không rõ ràng.  - Thủ tục, giấy tờ cần thiết khi nhập khẩu thiết bị trên 10 năm cũng như tiêu chuẩn đánh giá cháp thuận hay không chấp thuận việc nhập khẩu không được nêu rõ. Đã có nhiều trường hợp không được chấp thuận nhập khẩu mà không được biết lý do cụ thể. Chúng tôi cho rằng việc này có thể dẫn đến tình trạng sụt giảm số lượng đầu tư mới cũng như mở rộng đầu tư vào Việt Nam. |  | |  | |  |
| 3. Đề nghị Quý Bộ quy định chi tiết, rõ ràng về mẫu đơn, thủ tục khi nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng trên 10 năm, đồng thời làm rõ các tiêu chuẩn để Quý Bộ cho phép nhập khẩu khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ, tài liệu tuân thủ biểu mẫu đã quy định |  | |  | |  |
|  |  |  |  | |  | |  |

IV. Đề xuất của các Viện thuộc Bộ Công Thương về DM nhóm hàng cơ khí của Hội DN Cơ khí-Điện tpHCM

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Công ty CP Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (Viện IMI)**  *tại Công văn số 228/IMI-DADT ngày 06/7/2017*  Bộ Y tế  Bộ NNPTNT  Bộ GD&ĐT | 1. Về tuổi thiết bị không quá 10 năm: sẽ làm cho các doanh nghiệp cơ khí chế tạo nói riêng và ngành cơ khí nói chung gặp nhiều khó khăn trong đầu tư phát triển sản xuất. |  |  |  |
| 2. Việc Hội DN Cơ khí- Điện TPHCM đề xuất tăng “tuổi thiết bị” theo từng mã ngành là tương đối phù hợp với thực tế khách quan. |  |  |  |
| 3. Viện IMI đề xuất thêm tiêu chí cho nhóm hàng “Máy công cụ” như sau: cần phân loại cụ thể theo “hệ thống điều khiển của thiết bị” do đây là bộ náo, hạt nhân của thiết bị, có ảnh hưởng chính đến tình trạng, hiệu quả hoạt động của thiết bị. | VD: Cùng một mã hàng, nếu thiết bị sử dụng các hệ điều khiển hiệ đại như CNC, PC Based,… thì nên quy định “tuổi thiết bị” được nhập khẩu dưới 5 năm hoặc ưu tiên MK thiết bị mới 100%. Nếu thiết bị sử dụng cơ cấu điều khiển truyền thống, dựa trên nền tảng cơ khí, điện điều khiển thông thường thì nên quy định “tuổi thiết bị” được phép nhập khẩu là dưới 20 năm. | | |
| 4. Trong mọi trường hợp, chất lượng của máy móc, thiết bị khi được NK, điều kiện cần là “tuổi thiết bị”, điều kiện đủ phải là các văn bản, tài liệu tin cậy xác nhận về tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị. |  |  |  |
| 5. Để thúc đẩy phát triển trong nước, cần xây dựng rào cản kỹ thuật đối với việc NK các *máy móc, thiết bị gia công cơ khí mà trong nước đã có đủ khả năng chế tạo.* |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | **Viện Nghiên cứu Cơ khí**  *Tại Công văn số 671/NCCK-KT.KHCN ngày 21/7/2017* | Sau khi nghiên cứu bản “Danh mục đề xuất và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm hàng máy công cụ và thiết bị”, Viện Nghiên cứu Cơ khí đã cân nhắc và gửi DM đã sửa đổi kèm theo. |  |  |  |

**VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI**

**Đối với DANH MỤC NHÓM HÀNG MÁY CÔNG CỤ VÀ THIẾT BỊ của Hội DNCKĐ TpHCM**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HS** | **Tên thiết bị** | **Đề xuất của HHDN Cơ khí - Điện TP HCM** | | **Đề xuất sửa của Viện Nghiên cứu Cơ khí** | |
| **Thủ tục nhập khẩu** | **Yêu cầu đối với hàng hóa** | **Thủ tục nhập khẩu** | **Yêu cầu đối với hàng hóa** |
|  | 84.20 | Các loại máy cán là hay máy cán ép phẳng kiểu trục lăn khác, trừ các loại máy dùng để cán, ép kim loại hoặc thủy tinh, và các loại trục cán của chúng. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.27 | Xe nâng hạ xếp tầng hàng bằng cơ cấu càng nâng; các loại xe công xưởng khác có lắp thiết bị nâng hạ hoặc xếp hàng. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 10 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.54 | Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thỏi và máy đúc, dùng trong luyện kim hay đúc kim loại. |  | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.55 | Máy cán kim loại và trục cán của nó. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.56 | Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.57 | Trung tâm gia công cơ, máy kết cấu một vị trí và máy nhiều vị trí gia công chuyển dịch để gia công kim loại. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 10 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.58 | Máy tiện kim loại (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.59 | Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.60 | Máy công cụ dùng để mài bavia, mài sắc, mài nhẵn, mài khôn, mài rà, đánh bóng hoặc bằng cách khác để gia công hoàn thiện kim loại hoặc gốm kim loại bằng các loại đá mài, vật liệu mài hoặc các chất đánh bóng, trừ các loại máy cắt răng, mài răng hoặc gia công hoàn thiện bánh răng thuộc nhóm 84.61. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.61 | Máy bào, máy bào ngang, máy xọc, máy chuốt, máy cắt bánh răng, mài hoặc máy gia công răng lần cuối, máy cưa, máy cắt đứt và các loại máy công cụ khác gia công bằng cách bóc tách kim loại hoặc gốm kim loại, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.62 | Máy công cụ (kể cả máy ép) dùng để gia công kim loại bằng cách rèn, gò hoặc dập khuôn; máy công cụ (kể cả máy ép) để gia công kim loại bằng cách uốn, gấp, kéo thẳng, dát phẳng, cắt xén, đột dập hoặc cắt rãnh hình chữ V; máy ép để gia công kim loại hoặc các bua kim loại chưa được chi tiết ở trên. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.63 | Máy công cụ khác để gia công kim loại hoặc gốm kim loại, không cần bóc tách vật liệu. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 15 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.66 | Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hay chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65, kể cả bộ phận kẹp sản phẩm hay kẹp dụng cụ, đầu cắt ren tự mở, đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho các máy công cụ; bộ phận kẹp dụng cụ dùng cho mọi loại dụng cụ cầm tay. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |
|  | 84.79 | Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác thuộc Chương này. | Không phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có giấy phép nhập khẩu | Được sản xuất không quá 10 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. |